

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 430/2018/HSST
Ngày 06/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Khắc Mã
2. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

- **Thư ký Tòa án phiên tòa:** Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Hội Tr Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 377/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: Dương Văn G, sinh ngày 16/5/1980; Đăng ký HKTT xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không. con ông Dương Văn M, sinh năm 1952, con bà: Lưu Thị Đ1, sinh năm 1955; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư. Có vợ là Hoàng Thị Hnm, sinh năm 1982; có 01 con, sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2018 đến nay (Có mặt)

2. Họ và Tên: Nguyễn Văn Nam, sinh ngày 8/10/1975. Đăng ký HKTT xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1949, con bà Đồng Thị T, sinh năm 1949. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Trần Thị Thanh L1, sinh năm 1982. Có 01 con, sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2018 đến nay (Có mặt)

***. Người chứng kiến:**

- Ông Đoàn Xuân Tr, sinh năm 1979,

Trú tại: tổ 10, phường T1, thành phố TN (Vắng mặt)

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Trần Thị Thanh L1, sinh năm 1982. (có mặt).

Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 8 giờ 30 phút ngày 7/8/2018 tổ công tác Công an phường T1, thành phố TN đang làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 11 của phường, phát hiện 02 Người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ANGEL biển kiểm soát 20H7 – 9836 có biểu hiện liên quan đến ma túy, tổ công tác tiến hành áp sát yêu cầu kiểm tra 02 Người. Đối tượng ngồi sau xe mô tô khai tên là Dương Văn G, người điều khiển xe mô tô khai tên là Nguyễn Văn N. G tự giác giao nộp 01 gói giấy báo, bên trong chứa chất bột màu trắng (G khai đó là Heroine) và 01 lọ nước cất ở dưới đất tại vị trí G đang đứng. Kiểm tra trong cốp xe mô tô BKS 20H7 – 9836 của N có 01 chiếc xi lanh loại 3cc. Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng và lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với G và N.

Tiến hành cân số chất bột màu trắng thu giữ của Dương Văn G, Nguyễn Văn N ngày 7/8/2018 có khối lượng 0,133 gam và lấy mẫu gửi giám định ký hiệu G1.

Tại bản Kết luận giám định số 952/KL – PC 54 ngày 13/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu G1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,133 gam.

Tại Cơ quan điều tra Dương Văn G, Nguyễn Văn N khai nhận: Khoảng 8 giờ ngày 7/8/2018 N điều khiển xe mô tô BKS 20H7 – 9836 chở G từ nhà lên khu vực thành phố TN, mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. G và N thống nhất: G bỏ ra 90.000 đồng, N bỏ ra 10.000 đồng để mua ma túy cùng nhau sử dụng, nhưng N chưa có tiền nên bảo G ứng ra trước, N sẽ trả cho G sau. Khi đến khu vực phường Trung Thành, thành phố TN, N chờ G ở bên ngoài còn G vào mua ma túy của 01 Nthanh niên không quen biết 01 gói ma túy, với giá 100.000 đồng. Sau đó G quay ra chỗ N đợi và bảo với N đã mua được ma túy, N chở G đến Hiệu thuốc gần đó và đưa cho G 2.000 đồng bảo G vào mua nước cất, rồi N tiếp tục chở G đi đến khu vực tổ 11 phường T1, thành phố TN, thì bị Công an phường T1, thành phố TN phát hiện. Do sợ G đã thả gói ma túy vừa mua được và 01 lọ nước cất xuống đất dưới chân đang đứng. Kiểm tra trong cốp xe mô tô của Nthu giữ 01 chiếc xi lanh. Công an phường T1 đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Lời khai nhận tội của Dương Văn G, Nguyễn Văn N phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, cân xác định trọng lượng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án

Vật chứng của vụ án:

- 01 bì niêm phong ký hiệu G; 01 xi lanh loại 3cc; 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, biển kiểm soát 20H7 - 8936.

Tại bản Cáo trạng số 378/KSĐT-MT ngày 04 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị Dương Văn G, Nguyễn Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Dương Văn G, Nguyễn Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

- Dương Văn G từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù giam.

- Nguyễn Văn N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù giam.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự vụ §iêu 47 Bộ luật hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu G; 01 xi lanh loại 3cc; 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng. Trả lại cho chị Trần Thị Thanh L1 sinh năm 1982 (là vợ của bị cáo N) là người đã cho bị cáo N mượn xe mô tô trên và không biết N đi mua ma túy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Phần lời nói sau cùng bị cáo G và bị cáo N xin HĐXX xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, cả hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, cân xác định trọng lượng; kết

luận giám định và vật chứng thu giữ Hội đồng xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 8 giờ 30 phút ngày 7/8/2018 tại tổ 11, phường T1, thành phố TN, Dương Văn G và Nguyễn Văn N đang có hành vi tàng trữ 0,133 gam Heroine để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an phường T1, thành phố TN phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Các bị cáo biết ma túy là vật cấm được Nhà quản lý nhưng cả hai bị cáo vẫn cố tình tàng trữ 0,133 gam Heroine để sử dụng cho bản thân. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 249 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy...thuộc một trong các Tr hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c, Heroine...có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam”.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện, gây mất trật tự an ở địa phương.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Dương Văn G và Nguyễn Văn N đều là những đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, cùng rủ nhau góp tiền mua ma túy sử dụng chung. Do vậy vai trò phạm tội của hai bị cáo trong vụ án là ngang nhau.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy: Cả hai bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả hai bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình, các bị cáo không phải phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy, cả hai bị cáo là người nghiện ma túy, không chịu cai nghiện, tu dưỡng rèn luyện bản thân, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để các bị cáo thấy được sự nghiêm khắc của pháp luật đối với các bị cáo để các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật, rèn luyện bản thân cải tạo trở thành người tốt.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[7] Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu G; 01 xi lanh loại 3cc; 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng là vật cấm và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, biển kiểm soát 20H7 – 8936 là tài sản của chị Trần Thị Thanh L1 (là vợ của bị cáo N ở cùng địa chỉ), do N mượn để đi mua ma túy chị Lịch không biết, vì vậy HĐXX xem xét cần trả lại chiếc xe trên cho chị Lịch quản lý sử dụng.

[7] Về hình phạt bổ sung và án phí

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo, nhưng theo biên bản xác minh và tại phiên tòa, cả hai bị cáo khai là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

- Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ theo Dương Văn G khai mua của 01 nam thanh niên không quen biết. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ của nam thanh niên trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở điều tra làm rõ xử lý.

Đối với chị Trần Thị Thanh L1 là người cho N mượn xe mô tô BKS 20H7 - 8936 để đi lại, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản của chị L1, chị L1 không biết việc N đi mua ma túy. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không xử lý đối với chị L1 là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn G; Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

- Bị cáo Dương Văn G 15 (mười lăm) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Bị cáo Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn G, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong theo đúng quy định ký hiệu G1 (bên trong có chứa chất ma túy); 01 xi lanh y tế chưa qua sử dụng loại 3cc; 01 lọ nước cất.

- Trả cho chị Trần Thị Thanh L1 01 xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Angel, loại xe hai bánh từ 50-175cm³; BKS 20H7 – 8936; số loại VA6; màu sơn: xanh; dung tích xi lanh: 97; số khung: D4D-008335, số máy: X1C-D008335

Biên bản giao nhận vật chứng số 365 ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo G; bị cáo N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà Nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

